

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DS-ST.
Ngày: 14-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Trường

Bà Danh Thị Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 12 và 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST – DS ngày 24/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-DS ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S

Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông La V, sinh năm 1979 (có mặt), là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2023.

Địa chỉ liên hệ: số X, đường M, khóm E, phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Dương L, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm D, phường E, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông La V trình bày:

Ngày 15/12/2020 Ngân hàng S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) chi nhánh A - Phòng giao dịch N và bà Dương L thỏa thuận ký hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202025906124. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho bà L vay số tiền là 30.000.000 đồng. Với các điều kiện thỏa thuận như sau: thời hạn cho vay là 18 tháng; Bên vay sử dụng số vốn vay vào mục đích: Tiêu dùng;

Phương thức trả nợ: vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: 01 tháng trả một lần, trả 18 kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01/02/2021, các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày cuối mỗi tháng; số tiền trả mỗi kỳ là 2.416.000 đồng; số tiền trả kỳ cuối là 2.428.000 đồng; hình thức giải ngân: tiền mặt. Lãi suất cho vay: 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày trả nợ cuối cùng được quy định tại hợp đồng này; không áp dụng bảo đảm tiền vay. Quá trình giao dịch đến ngày 28/02/2022 bà L đã vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn. Bà L đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 33.824.000 đồng (14 kỳ). Hợp đồng này bà L còn phải thanh toán cho ngân hàng tạm tính đến ngày xét xử (ngày 12/6/2023) số tiền 13.124.447 đồng trong đó vốn gốc là 6.676.000 đồng, lãi trong hạn là 3.123.512 đồng, lãi quá hạn là 3.324.935 đồng.

Ngày 13/10/2021 Ngân hàng S chi nhánh S - Phòng giao dịch N và bà Dương L thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số 00739-01287. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho bà L vay số tiền là 50.000.000 đồng. Với các điều kiện thỏa thuận như sau: thời hạn cho vay là 182 tháng; Bên vay sử dụng số vốn vay vào mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh; Phương thức trả nợ: vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: 01 ngày trả một lần, trả 182 kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 14/10/2021, các kỳ trả nợ tiếp theo là hàng ngày; số tiền trả mỗi kỳ là 315.900 đồng; số tiền trả kỳ cuối là 302.300 đồng; hình thức giải ngân: tiền mặt. Lãi suất cho vay: 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày trả nợ cuối cùng được quy định tại hợp đồng này; không áp dụng bảo đảm tiền vay. Quá trình giao dịch đến ngày 18/01/2022 bà L đã vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn. Hợp đồng này bà L còn phải thanh toán cho ngân hàng tạm tính đến ngày xét xử (ngày 12/6/2023) số tiền 40.956.293 đồng trong đó vốn gốc là 23.619.200 đồng, lãi trong hạn là 3.533.900 đồng, lãi quá hạn là 13.803.193 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu bà Dương L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng dư nợ của hai khoản vay còn thiếu tính đến ngày xét xử 12/6/2023 là 54.080.741 đồng (*Năm mươi bốn triệu, không trăm tám mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng*). Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2023 cho đến khi bà L trả dứt nợ cho ngân hàng.

2/ Trong quá trình xét xử, bị đơn bà Dương L vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bà Dương L được biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Dương L vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Dương L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S thấy rằng: Theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202025906124 ngày 15/12/2020 thể hiện bà Dương L có vay của ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng. Thỏa thuận hợp đồng như sau: thời hạn cho vay: 60 tháng; phương thức trả nợ: Vốn lãi chia đều trả trong 18 kỳ, mỗi kỳ trả số tiền 2.416.000 đồng, trả dần hàng tháng; Kỳ trả nợ đầu tiên: Ngày 01/02/2021; các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày cuối hàng tháng. Lãi suất cho vay: 30%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn gốc là 33.824.000 đồng. Kể từ ngày 28/02/2022 thì bà L ngừng thanh toán nợ cho ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Và theo hợp đồng tín dụng số 00739-01287 ngày 13/10/2021 thể hiện bà Dương L có vay của ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận vốn lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ, trả 182 kỳ, mỗi ngày trả một kỳ, số tiền trả mỗi kỳ là 315.900 đồng nhưng quá trình thực hiện hợp đồng thì bà L đã thanh toán cho ngân hàng được số tiền nợ gốc là 26.380.800 đồng, đến ngày 18/01/2022 thì bà L ngừng thanh toán nợ cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Căn cứ vào quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 thì ngân hàng khởi kiện bà L yêu cầu trả hai khoản nợ vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ của Ngân hàng S được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền án phí được tính cụ thể như sau: $54.080.741 \text{ đồng} \times 5\% = 2.704.000 \text{ đồng}$. Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 273 và khoản 3 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S khởi kiện bà Dương L.

2/ Buộc bà Dương L trả cho Ngân hàng S số tiền tổng cộng là 54.080.741 đồng (*Năm mươi bốn triệu, không trăm tám mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng*).

Kể từ ngày 13/6/2023 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 202025906124 ngày 15/12/2020 và hợp đồng tín dụng số 00739-01287 ngày 13/10/2021 cho đến khi khách hàng vay thanh toán xong khoản nợ cho ngân hàng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương L chịu án phí là 2.704.000 đồng (*Hai triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng*). Ngân hàng S được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006446 ngày 13/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ TÊN VÀ ĐÓNG DẤU**

Đặng Thị Vàng